

Bản án số: 303/2023/KDTM-PT

Ngày: 15/3/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vận chuyển hàng hoá”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2022/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hoá”.

Do bản án sơ thẩm số 119/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2023/QĐPT-KDTM ngày 30/01/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: 11A Đường Đ, Phường W, Quận T, TPHCM

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông P

Địa chỉ: 93/20 đường P, Phường A, Quận T, TPHCM

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư D - Công ty Luật TNHH S thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: 04 đường N, phường Đ, Quận Q, TPHCM

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà L

Địa chỉ: Tầng lửng, 911 đường N, Phường F, Quận T, TPHCM

Người kháng cáo: Công ty TNHH A

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022 và tại đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 02/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Công ty TNHH C có ông P đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 17/03/2021, Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C) và Công ty TNHH A (viết tắt là Công ty A) đã ký Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20210317/HDDVVC

với nội dung: Công ty A chỉ định cho Công ty C thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế để vận chuyển những lô hàng xuất khẩu của Công ty A từ Việt Nam đến các nước khác (bao gồm chặng vận chuyển nội địa từ nơi chiếu xạ đến cảng hàng không hoặc từ kho của Công ty A và các nơi khác theo yêu cầu của Công ty A); giá cước vận chuyển và các chi phí khác của mỗi lô hàng hai bên sẽ thỏa thuận bằng điện thoại hoặc email; thỏa thuận định kỳ thanh toán: Công ty A có trách nhiệm thanh toán 100% cước vận chuyển và các chi phí khác có liên quan của từng lô hàng trong vòng 01 tháng kể từ ngày phát hành không vận đơn (AWB); nếu Công ty A không thanh toán đúng hạn như hợp đồng thì Công ty A sẽ phải chịu mức phạt 0,03%/ngày/tổng số tiền quá hạn. Thực hiện Hợp đồng, Công ty C đã vận chuyển và giao hàng đối với các đơn hàng theo yêu cầu của Công ty A.

Ngày 26/11/2021, Công ty A có ký tên, đóng dấu gửi bản scan qua thư điện tử cho Công ty C Bảng xác nhận công nợ và kế hoạch thanh toán xác nhận Công ty A đã trả 520.000.000 đồng, còn nợ Công ty C cước vận chuyển và các phí dịch vụ của các tháng 6/2021, tháng 7/2021, tháng 8/2021 và tháng 9/2021 với tổng số tiền là 1.304.454.743 đồng. Sau đó, Công ty A có thanh toán cho Công ty C tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

Nay Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

- Buộc Công ty A phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.054.454.743 đồng

- Tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ ngày chậm trả của các không vận đơn (MAWB) số: 17660645723 ngày 21/6/2021; số 17660645734 ngày 25/6/2021; số 17660647790 ngày 26/6/2021; số 17660645745 ngày 28/6/2021; số 17660647860 ngày 29/6/2021; số 17660647565 ngày 02/7/2021; số 17660647576 ngày 05/7/2021; số 17660647580 ngày 09/7/2021; số 17660647591 ngày 12/7/2021; số 17660647602 ngày 16/7/2021; số 17660647613 ngày 19/7/2021; số 17660647624 ngày 23/7/2021; số 17660647635 ngày 26/7/2021; số 17660649664 ngày 02/8/2021; số 17660649675 ngày 06/8/2021; số 17660649686 ngày 09/8/2021; số 17660649701 ngày 16/8/2021; số 17660649712 ngày 19/8/2021; số 17660649734 ngày 28/8/2021; số 17660649745 ngày 31/8/2021; số 17660648066 ngày 03/9/2021; số 17660649480 ngày 06/9/2021 với lãi suất chậm trả là 9%/năm, tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 102.807.827 đồng.

- Tiền phạt tạm tính đến ngày 14/9/2022 với mức 8% của tổng giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.038.042.135 đồng, tương đương số tiền 83.043.371 đồng.

Tổng cộng 1.240.305.941 đồng. Yêu cầu trả ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH A vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà L và bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến:

Xác nhận ngày 17/3/2021 Công ty C và Công ty A có ký Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 20210317/HDDVVC với nội dung như nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số công nợ còn tồn đọng là 1.054.454.743 đồng. Theo dự kiến thì đến cuối tháng 9/2022, bị đơn sẽ có nguồn thu và có thể hoàn tất việc thanh toán cho nguyên đơn

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi trả tiền phạt và tiền lãi tạm tính đến ngày 24/5/2022 và đề nghị được miễn thanh toán các khoản này do tình hình dịch bệnh nên bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty A phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.054.454.743 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất chậm trả là 9%/năm tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 102.807.827 đồng.

- Tiền phạt tạm tính đến ngày 14/9/2022 với mức 8% của tổng giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 1.038.042.135 đồng, tương đương số tiền 83.043.371 đồng.

Tổng cộng 1.240.305.941 đồng. Yêu cầu trả ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư D thống nhất ý kiến với nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty TNHH A có ông H là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 119/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH C:

1.1. Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền nợ gốc là 1.054.454.743 (Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi ba) đồng; tiền lãi do chậm thanh toán là 102.807.827 (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy) đồng; tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ là 83.043.371 (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi một) đồng. Tổng cộng là 1.240.305.941 (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu ba trăm lẻ năm nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH A không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH A còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 49.209.000 (Bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí 24.292.995 (Hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031039 ngày 10/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về nội dung và thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, do đó bị đơn đề nghị Hội đồng phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày đã được sao chụp hồ sơ và tiếp cận chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm nên bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và cản trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bị đơn đã thanh

toán thêm cho nguyên đơn vào ngày 30/8/2022 nhưng Toà án sơ thẩm đã không làm rõ vấn đề này.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng là 1.054.454.743 đồng và trả tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ là 83.043.371 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 119/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hoá, là hoạt động phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Tại hợp đồng các bên có thoả thuận về Tòa án giải quyết tranh chấp là toà án nơi nguyên đơn đặt trụ sở nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét thấy, bị đơn trình bày vào ngày 30/8/2022, bị đơn đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng cho nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc Công ty A đã chuyển số tiền trên cho ai và mục đích gì. Nguyên đơn trình bày sau khi bị đơn nộp đơn kháng cáo thì số tài khoản của Công ty C có vào khoản tiền 20.000.000 đồng nhưng không biết do số tài khoản nào chuyển đến và cũng không ghi lý do chuyển nên nguyên đơn không xác định được số tiền 20.000.000 đồng này có phải do bị đơn chuyển hay không, nhưng trong trường hợp bị đơn chứng minh được số tiền được chuyển từ tài khoản Công ty A thì nguyên đơn sẽ tự nguyện căn trừ vào số nợ.

Qua những lời trình bày và chứng cứ các đương sự đã giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với thực tế diễn biến tại phiên tòa. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A.

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 119/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 30, 38, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH C:

[1.1] Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền nợ gốc là 1.054.454.743 (Một tỷ không trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi ba) đồng; tiền lãi do chậm thanh toán là 102.807.827 (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy) đồng; tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ là 83.043.371 (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi một) đồng. Tổng cộng là 1.240.305.941 (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu ba trăm lẻ năm nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng.

Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH A không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH A còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 49.209.000 (Bốn mươi chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí 24.292.995 (Hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031039 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH A phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0032025 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiên).

Lưu Thị Đoan Trang

